

Bản án số: 79/2024/HS-ST
Ngày 26-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

+ Bà Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 71/2024/TLST-HS ngày 02/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Anh N;** tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1980, tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn B1, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Nông Thị N, sinh năm 1947; Vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1985 (là bị cáo trong vụ án); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/02/2024 đến ngày 07/3/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2024 đến nay. (Có mặt);

2. **Hoàng Thị B;** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 18 tháng 4 năm 1985, tại xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao

Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ; Chồng: Hoàng Anh N, sinh năm 1980 (là bị cáo trong vụ án); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/02/2024 đến ngày 07/3/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2024 đến nay. (Có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Thị H, sinh năm 1979; Vắng mặt.
2. Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1988; Vắng mặt.
3. Vũ Văn T, sinh năm 1988; Có mặt.
4. Hoàng Thị Th, sinh năm 1989; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng

5. La Văn D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ dân phố y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

6. La Văn L, sinh năm 1999; Địa chỉ: xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

7. Đinh Đoàn B1, sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm x, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

8. Nông Văn T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

9. Đặng Quyết C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

10. Nông Thị H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

11. Lương Văn T2, sinh năm 1977; Địa chỉ: xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua tin báo tố giác của quần chúng nhân dân, hồi 16 giờ 00 ngày 27/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp người và chỗ ở đối với Hoàng Anh N về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Kết quả khám xét, phát hiện và thu giữ trong buồng ngủ của vợ chồng Hoàng Anh N 01 quyển vở ô ly, bên trong quyển vở có viết các chữ số có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

và 01 tờ giấy ô ly có nội dung ghi “Giấy nợ”. Ngoài ra còn tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định được, vợ chồng Hoàng Anh N, Hoàng Thị B làm dịch vụ xay xát lúa gạo nên có nhiều mối quan hệ quen biết. Sau đó, có một số người hỏi vay tiền với vợ chồng Hoàng Anh N, thời gian đầu, khi cho vay vợ chồng N, B không tính tiền lãi. Từ khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022, vợ chồng Hoàng Anh N, Hoàng Thị B đã bàn bạc, thống nhất với nhau về việc cho vay tiền với lãi suất cao từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm. Hoàng Anh N là người trực tiếp trao đổi, thỏa thuận lãi suất với những người có nhu cầu vay. Hoàng Thị B là người chuyển tiền cho vay và nhận lãi qua tài khoản ngân hàng của B. Cụ thể như sau:

1. Từ cuối năm 2021, đầu năm 2022 đến 03/4/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B đã cho La Văn D, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vay là 320.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương ứng lãi suất 109,5%, vượt 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đối với các khoản vay này, quá trình vay, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B và La Văn D thống nhất gộp các lần vay trên thành từng khoản và trả lãi theo từng tháng, cụ thể:

Khoản vay 1: 60.000.000 đồng, trả lãi 5.400.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày 11/4/2022. Đến 15/8/2023, D đã trả lãi 15 lần cho 15 tháng với tổng số tiền 81.000.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 66.205.620 đồng.

Khoản vay 2: 20.000.000 đồng, trả lãi 1.800.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày 14/6/2022. Đến ngày 24/7/2023, D đã trả lãi 14 lần cho 14 tháng với tổng số tiền 25.200.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 20.597.304 đồng.

Khoản vay 3: 20.000.000 đồng, trả lãi 1.800.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày 22/6/2022. Đến ngày 25/7/2023, D đã trả lãi 13 lần cho 13 tháng với tổng số tiền 23.400.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 19.126.068 đồng.

Khoản vay 4: 40.000.000 đồng, trả lãi 3.600.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày 24/7/2022. D đã trả lãi 05 lần cho 05 tháng với tổng số tiền 18.000.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 14.712.360 đồng. Ngày 24/12/2022, D đã trả 40.000.000 đồng tiền gốc và kết thúc khoản vay này.

Khoản vay 5: 40.000.000 đồng, trả lãi 3.600.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày mùng 01/10/2022. Đến ngày 02/8/2023, D đã trả lãi 10 lần cho 10 tháng với tổng số tiền 36.000.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 29.424.720 đồng.

Khoản vay 6: 20.000.000 đồng, trả lãi 1.800.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày 10/12/2022. Đến 11/8/2023, D đã trả lãi 08 lần cho 08 tháng với tổng số tiền 14.400.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 11.769.888 đồng.

Khoản vay 7: 30.000.000 đồng, trả lãi 2.700.000 đồng/ 01 tháng, tính từ 13/12/2022. Đến 17/7/2023, D đã trả lãi 07 lần cho 07 tháng với tổng số tiền 18.900.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 15.447.978 đồng.

Khoản vay 8: 50.000.000 đồng, trả lãi 4.500.000 đồng/ 01 tháng, tính từ ngày 13/01/2023. Đến 21/7/2023, D đã trả lãi 06 lần cho 06 tháng với tổng số tiền 27.000.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 22.068.540 đồng.

Khoản vay 9: 40.000.000 đồng, trả lãi 3.600.000 đồng/ 01 tháng, tính từ 03/5/2023. Đến ngày 05/8/2023, D đã trả lãi 04 lần cho 04 tháng với tổng số tiền 14.400.000 đồng. N, B thu lợi bất chính 11.769.888 đồng.

Đối với các khoản vay trên, La Văn D đã trả 40.000.000 đồng tiền nợ gốc cho vợ chồng Hoàng Anh N, Hoàng Thị B và còn nợ 280.000.000 đồng. Đến tháng 10/2023, D và N, B chốt nợ và thỏa thuận lại về lãi suất. Theo đó, xác định từ tháng 10/2023 D còn nợ 260.000.000 đồng (N, B trừ cho D 20.000.000 đồng), thỏa thuận lãi của khoản vay 260.000.000 đồng là 15.000.000 đồng/ 01 tháng, không vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Như vậy, từ các khoản cho La Văn D vay, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B đã thu tổng số tiền lãi là 258.300.000 đồng, thu lợi bất chính 211.122.366 đồng.

2. Ngày 17/5/2023, vợ chồng Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho La Văn L, sinh năm 1999, trú tại xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, trả lãi vào ngày 17 hàng tháng với số tiền 3.600.000 đồng/ 01 tháng, tương ứng lãi suất 109,5%, vượt 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đến ngày 17/01/2024, L đã trả lãi 08 lần cho 08 tháng với tổng số tiền 28.800.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính là 23.539.776 đồng. Khoản vay này, L chưa trả tiền nợ gốc.

3. Ngày 20/9/2022, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Đinh Đoàn B1, sinh năm 1984, trú tại xóm x, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, tương ứng lãi suất 109,5%, vượt 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Ngày 26/9/2022, B1 trả 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và 500.000 đồng tiền lãi của 07 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B đã thu lợi bất chính số tiền 423.288 đồng.

4. Ngày 28/8/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Nông Văn T1, sinh năm 1989, trú tại xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày. Đến ngày 23/12/2023, T1 đã trả tổng cộng 4.000.000 đồng tiền lãi của 118 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B đã thu lợi bất chính 3.353.431 đồng với lãi suất thực tế là 3.389 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương 123,6%/ 01 năm, gấp 6,18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Khoản vay này, T1 chưa trả tiền nợ gốc.

5. Ngày 27/02/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Đặng Quyết C, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày. Từ ngày 27/02/2023 đến 11/3/2023, C trả tổng cộng 1.000.000 đồng tiền lãi của 13 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B đã thu lợi bất chính 857.536 đồng với mức lãi suất thực tế là 3.846 đồng/ 1.000.000/ 01 ngày, tương đương 140,3%/ 01 năm, gấp 7,01 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Thời gian sau đó, C trả lãi không đúng theo thoả thuận. Hiện C đã trả đủ số tiền gốc cho N, B.

6. Ngày 23/01/2024, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Hoàng Thị H, sinh năm 1979, trú tại Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày. Cùng ngày H trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi. Như vậy, với khoản vay này, N, B đã thu lợi bất chính 245.206 đồng.

7. Ngày 29/11/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày. Ngày 06/12/2023, N trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 210.000 đồng tiền lãi của 07 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B đã thu lợi bất chính 171.600 đồng.

8. Ngày 05/8/2022, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Nông Thị H1, sinh năm 1983, trú tại xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, trả theo tháng là 1.000.000 đồng/ 01 tháng. Ngày 05/9/2022 H1 trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi của 01 tháng. Như vậy, với khoản vay này, N, B thu lợi bất chính 835.618 đồng.

9. Ngày 22/8/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Vũ Văn T, sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 35.000.000 đồng, thoả thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, trả lãi vào ngày 22 hàng tháng, mỗi tháng 3.150.000 đồng. Đến ngày 24/01/2024, T đã trả lãi theo thoả thuận 03 lần cho 03 tháng, mỗi tháng 3.200.000 đồng, tổng cộng là 9.600.000 đồng. Như vậy, với khoản vay này, N B đã thu lợi bất chính 7.873.989 đồng với mức lãi suất thực tế là 3.047 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương 111,2%/ 01 năm, gấp 5,56 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Hiện T chưa trả tiền nợ gốc.

10. Từ 24/10/2022 đến 14/11/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Lương Văn T2, sinh năm 1977, trú tại xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay 04 lần với tổng số tiền 292.000.000 đồng, thu lợi bất chính 7.997.549 đồng, cụ thể:

Lần 01: ngày 24/10/2022, T2 vay 200.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày. Ngày 28/10/2022, T2 trả 200.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 tiền lãi của 05 ngày. N, B thu lợi bất chính 3.452.060 đồng với lãi suất thực tế là 4.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương ứng 146%, vượt 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Lần 02: ngày 19/11/2023, T2 vay 32.000.000 đồng. Ngày 29/12/2022, T2 trả 36.000.000 gồm 32.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi của 41 ngày. N, B thu lợi bất chính 3.281.103 đồng với lãi suất thực tế là 3.048 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương ứng 111,2%/ 01 năm, gấp 5,56 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Lần 03: ngày 29/3/2023, T2 vay 50.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương ứng 182,5%/ 01 năm, vượt 9,12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Ngày 30/3/2023, T2 trả

50.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi của 02 ngày. N, B thu lợi bất chính 445.206 đồng.

Lần 04: Ngày 14/11/2023, T2 vay 10.000.000 đồng, thoả thuận lãi 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày. Ngày 16/12/2023 T2 trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi của 33 ngày. N, B thu lợi bất chính 819.180 đồng.

11. Từ 14/8/2022 đến 14/7/2023, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B cho Hoàng Thị Th, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng vay tiền nhiều lần. Trong đó, có 04 lần lãi suất vượt quá 05 lần mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền gốc cho vay là 153.000.000 đồng, thu lợi bất chính 13.630.438 đồng, cụ thể:

Lần 01: 01/12/2022, Th vay 50.000.000 đồng. Ngày 10/12/2022, Th trả 50.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B thu lợi bất chính 1.726.030 đồng với lãi suất thực tế của khoản vay này là 4.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương 146%/ 01 năm và vượt gấp 7,3 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật dân sự.

Lần 02: Ngày 12/12/2022, Th vay 40.000.000 đồng. Ngày 14/12/2022, Th trả 40.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi của 03 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B thu lợi bất chính 434.247 đồng với lãi suất thực tế của khoản vay là 4.166 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương 152%/ 01 năm và vượt gấp 7,6 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

Lần 03: Ngày 27/02/2023, Th vay 13.000.000 đồng. Ngày 07/03/2023, Th trả 13.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi của 09 ngày. Như vậy, với khoản vay này, N, B thu lợi bất chính 435.891 đồng với lãi suất thực tế của khoản vay này là 4.272 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, tương đương 155,9%/ 01 năm và vượt gấp 7,8 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật dân sự.

Lần 04: Ngày 13/3/2023, Th vay 50.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, trả lãi theo tháng là 4.500.000 đồng/ 01 tháng. Th đã trả lãi của 03 tháng theo thoả thuận với tổng số tiền 13.500.000 đồng. Thu lợi bất chính 11.034.270 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc của các khoản vay trên, Th đã trả đủ cho N, B.

Ngoài ra, Hoàng Anh N, Hoàng Thị B còn cho một số người khác vay với lãi suất chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự hoặc không tính lãi suất.

Tại bản Cáo trạng số: 72/CT-VKSTK ngày 02/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Anh N và Hoàng Thị B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với số người, số lần và số tiền như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại đối với các hoạt động của người và Cơ quan tiến hành tố tụng. Cả hai thừa

nhận ngoài cho những người trên vay tiền, hai bị cáo còn cho nhiều người khác vay tiền tuy nhiên số lãi chưa vượt qua số lãi cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định. Cả hai bị cáo tự nguyện dùng số tiền 260.910.187đ mà Cơ quan điều tra đã phong tỏa để đảm bảo thi hành án. Hai bị cáo xác nhận trước khi mở phiên tòa thì La Văn L đã trả gốc 20.000.000đ và Nông Văn T1 trả gốc 4.000.000đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều cho rằng số tiền, thời gian vay, việc thu lãi đã được đối chiếu và trùng khớp về số liệu, không có yêu cầu gì đối với khoản tiền lãi các bị cáo thu lợi bất chính và đề nghị hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh L xác nhận trước khi mở phiên tòa đã trả gốc cho hai bị cáo số tiền 20.000.000đ, còn nợ 20.000.000đ; Nông Văn T1 xác nhận trước khi mở phiên tòa đã trả gốc cho hai bị cáo số tiền 4.000.000đ, còn nợ 6.000.000đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều có lời khai trong hồ sơ xác nhận số tiền, thời gian vay, lãi suất trùng khớp với số liệu mà Cơ quan điều tra thu thập, những người này cũng không yêu cầu đối với tiền lãi mà các bị cáo thu lợi bất chính (trừ anh La Văn D có yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi vượt quá quy định của Nhà nước) và đề nghị hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58 và 65 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Anh N và Hoàng Thị B;

Xử phạt bị cáo Hoàng Anh N từ 09 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị B từ 09 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 15 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 30.000.000đ - 50.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo N và B phải liên đới nộp khoản tiền gốc sung quỹ Nhà nước mà những người vay đã trả là 566.000.000đ; Buộc N và B liên đới nộp khoản tiền lãi tương đương 20% là 59.659.159đ để sung công quỹ Nhà nước; Buộc các bị cáo phải trả lại cho anh La Văn D số tiền thu lợi bất chính 211.122.366đ. Buộc các bị cáo phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính mà những người vay không yêu cầu trả lại là 58.928.475đ để sung quỹ Nhà nước. Buộc những người vay chưa trả nợ gốc cho các bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước như sau: La Văn L 20.000.000đ, Nông Văn T1 6.000.000đ, Vũ Văn T 35.000.000đ và La Văn D 280.000.000đ.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động của Hoàng Anh N, 01 điện thoại di động của Hoàng Thị B. Buộc các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, các bị cáo đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người liên quan trong vụ án: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy tất cả những người này đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai, được đối chiếu với lời khai của các bị cáo về số tiền, số lần vay, số tiền đã trả, chưa trả được và những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm: Từ cuối năm 2021, đầu năm 2022, vợ chồng Hoàng Anh N và Hoàng Thị B đã bàn bạc, thống nhất với nhau về việc cho vay tiền với lãi suất cao. Cụ thể N và B đã cho 11 người vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, gấp 5,475 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền mà N và B đã bỏ ra cho vay là 1.010.000.000đ với số tiền lãi đã thu là 329.710.000đ và số tiền thu lợi bất chính là 270.050.841đ.

Khi cho vay tiền, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là cho vay lãi nặng nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý của Nhà nước về kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người vay, gây mất trật tự trị an tại địa phương, khiến dư luận quần chúng bất bình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố các bị cáo về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, mẹ đẻ của bị cáo Hoàng Anh N là người có công với Tổ quốc, được Chủ tịch nước tặng huy chương kháng chiến; Cả hai bị cáo tự nguyện dùng số tiền mà Cơ quan điều tra đã phong tỏa để đảm bảo thi hành án nên cả hai được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này chưa có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 về hướng dẫn áp dụng Điều 201 về tội cho vay lãi nặng của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đối với loại tội này phải áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính. Nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo không có điều kiện để thi hành hình phạt tiền, do đó cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo; tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để các bị cáo giáo dục tại địa phương, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta. Việc không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống một thời gian cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

Xét mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Trong quá trình phạm tội các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất, nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này hai bị cáo là vợ chồng và đã có sự bàn bạc, thống nhất từ trước khi thực hiện hành vi phạm tội, cả hai bị cáo cùng thực hiện hành vi, tham gia với vai trò cao như nhau, hưởng lợi như nhau nên sẽ phải chịu mức hình phạt tương đương nhau là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai của nhiều người vay khác nhưng mức lãi suất chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự hoặc không có lãi suất. Do đó không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay này. Sau này các bên xảy ra tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là có căn cứ.

[6]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Theo quy định tại các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Các điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 về hướng dẫn áp dụng Điều 201 về tội cho vay lãi nặng của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cũng như Công văn 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, thì tài sản bị tịch thu bao gồm: “Vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép thì không bị tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp”. Theo những quy định này, thì tài sản trong vụ án bị tịch thu sung công bao gồm:

- Khoản tiền gốc mà N và B cho 11 người vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền mà N và B đã bỏ ra cho vay là 1.010.000.000 đồng (trong đó tiền gốc đã trả là 669.000.000đ và tiền gốc chưa trả là 341.000.000đ). Đối với số tiền gốc mà người vay đã trả là 669.000.000đ thì hai bị cáo phải liên đới nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, qua lời khai của các bị cáo và lịch sử giao dịch chuyển khoản giữa các bên xác định được hai bị cáo sử dụng 103.000.000đ tiền gốc những người vay trả để vay xoay vòng. Cụ thể: 50.000.000đ D vay ngày 29/10/2022 là từ số tiền Lương Văn T2 trả ngày 28/10/2022; 40.000.000đ Th vay ngày 12/12/2022 là từ số tiền Th trả ngày 10/12/2022; Ngày 07/3/2023 Th trả 13.000.000đ, đến ngày 13/3/2023 hai bị cáo tiếp tục dùng số tiền này cộng với 37.000.000đ từ nguồn khác để cho Th vay 50.000.000đ. Do đó số tiền gốc truy thu sung quỹ Nhà nước là 669.000.000đ - 103.000.000đ = 566.000.000đ.

- Đối với khoản tiền gốc mà người vay chưa trả thì những người này có trách nhiệm nộp lại để sung công quỹ Nhà nước gồm: La Văn L 20.000.000đ, Nông Văn T1 6.000.000đ, Vũ Văn T 35.000.000đ. Riêng La Văn D với hai bị cáo thỏa thuận số tiền gốc còn nợ 260.000.000đ (hai bị cáo trừ cho D 20.000.000đ). Tuy nhiên số tiền thực tế D vay là 280.000.000đ. Do đó La Văn D phải nộp lại số tiền 280.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Khoản tiền lãi tương đương với 20% Bộ luật dân sự đã quy định mà những người vay đã trả là 59.659.159đ. Đây là khoản tiền có được từ giao dịch trái pháp luật, nên hai bị cáo N và B phải liên đới nộp để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản tiền thu lãi vượt quá 20% (thu lợi bất chính): Do không có tài liệu để chứng minh những người vay sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên sẽ được trả lại cho người vay nếu có yêu cầu, nếu người vay không yêu cầu trả lại thì sung quỹ Nhà nước. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chỉ có La Văn D yêu cầu nên hai bị cáo phải trả lại cho anh D số tiền 211.122.366đ. Những người vay khác không yêu cầu được trả lại tiền thu lợi bất chính nên truy thu hai bị cáo số tiền 58.928.475đ để sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng bị thu giữ khác bao gồm:

- Đối với một số sổ sách liên quan đến việc cho vay đã được lưu trong hồ sơ để làm căn cứ nên không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với 01 điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Anh N và 01 điện thoại di động tạm giữ của Hoàng Thị B có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt tù có điều kiện là hình phạt chính nên căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và khoản Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 về hướng dẫn áp dụng Điều 201 về tội cho vay lãi nặng của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần phạt bổ sung mỗi bị cáo 40.000.000đ để sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

[8]. Đối với số tiền 260.910.187đ trong tài khoản số 8306205117077 đứng tên Hoàng Thị B mà Cơ quan điều tra đã phong tỏa: Tại phiên tòa cả hai bị cáo tự nguyện dùng số tiền này để đảm bảo thi hành án. Do đó số tiền này sẽ được dùng để đảm bảo thi hành trong quá trình thi hành án.

[9]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58 và 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với hai bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Anh N và Hoàng Thị B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Anh N 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị B 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/8/2024.

Giao các bị cáo Hoàng Anh N và Hoàng Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 40.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

4. Về số tiền phải truy thu sung quỹ Nhà nước:

- Buộc Hoàng Anh N và Hoàng Thị B phải liên đới nộp lại số tiền gốc cho vay lãi nặng mà người vay đã trả là 566.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Hoàng Anh N và Hoàng Thị B phải liên đới nộp lại số tiền lãi tương đương với lãi suất 20% là 59.659.159 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Hoàng Anh N và Hoàng Thị B phải liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà những người vay không yêu cầu trả lại để sung quỹ Nhà nước là 58.928.475 đồng.

- Buộc Hoàng Anh N và Hoàng Thị B phải liên đới trả lại cho anh La Văn D số tiền thu lợi bất chính là 211.122.366đ.

Xác nhận hai bị cáo có số tiền 260.910.187đ trong tài khoản số 8306205117077 đứng tên Hoàng Thị B đang bị phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, số tiền này sẽ được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

- Buộc những người vay phải nộp tiền gốc vay chưa trả để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

+ La Văn L, sinh năm 1999, trú tại: xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng 20.000.000đ;

+ Nông Văn T1, sinh năm 1989, trú tại xóm B, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng 6.000.000đ;

+ Vũ Văn T, sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng 35.000.000đ;

+ La Văn D, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng 280.000.000đ.

5. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; Các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo thu giữ của bị cáo Hoàng Anh N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max thu giữ của Hoàng Thị B.

Xác nhận những vật chứng nêu trên, đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo Bản án: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Trùng Khánh (*bằng TB*);
- Các bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng